

Bản án số:03/2018/HNGĐ - ST
Ngày 09/02/2018
“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN – TỈNH HƯNG YÊN**

Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Đào Thúy Hà.
- **Các Hội thẩm nhân dân:**
 1. Bà Nguyễn Thị Hệ
 2. Bà Vũ Thị Thùy Đông

Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Ngọc Nam - Thư ký Tòa án.

Đại diện VKSND thành phố Hưng Yên: Bà Nguyễn Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 09/02/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 170/2017/TLST - HNGĐ ngày 23/10/2017, về việc “tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2017/QĐXX - HNGĐ ngày 25/12/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/QĐST – HNGĐ ngày 25/01/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Đ T L A, sinh năm 1991; HKTT: số 286 đường Tr, phường A, thành phố H, tỉnh Hưng Yên “vắng mặt”.

2. Bị đơn: anh Ng X Đ, sinh năm 1987; Trú tại: số 28A đường B, phường M, thành phố H, tỉnh Hưng Yên “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai của nguyên đơn thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị L A và anh Ng X Đ có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 02 tháng, anh chị quen nhau qua người bạn giới thiệu. Sau khi tìm hiểu, anh chị về báo cáo với gia đình và được gia đình đồng ý cho đăng ký kết hôn, anh chị đăng ký kết hôn vào ngày 27/9/2017 tại UBND phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên (anh chị đăng ký kết hôn vào ngày tổ chức ăn hỏi). Sau khi tổ chức ăn hỏi được hai ngày, chị L A và gia đình phát hiện anh Đ là người nghiện ma túy, chị có trao đổi với anh Đ nhưng anh Đ không thừa nhận. Anh Đ đến nhà chị L A trình bày với bố mẹ chị là anh Đ không

nghiện ma túy, do công việc của anh là cho vay lãi anh phải sử dụng 02 người nghiện ma túy để đi cùng anh cho nên người ngoài nghĩ anh là người nghiện ma túy. Chị và gia đình đã đi tham khảo nhiều nguồn tin và xác định anh Đ là người nghiện ma túy và trước đây đã từng bị xử lý về mặt hình sự. Sau khi xác định được anh Đ là người nghiện ma túy, chị và gia đình rất sốc vì bị anh Đ và gia đình anh Đ lừa dối nên chị và gia đình đã trả lễ ăn hỏi cho gia đình anh Đ, không tiến hành tổ chức lễ cưới và đề nghị anh Đ ra Tòa làm thủ tục ly hôn. Khi biết tin chị xin ly hôn, anh Đ thường xuyên nhắn tin chửi và đe dọa chị nếu chị không rút đơn về thì anh Đ sẽ bôi nhọ danh dự của chị và gia đình, không để chị và gia đình được yên. Mặt khác, bố mẹ anh Đ cũng giấu chị về chuyện anh Đ là người nghiện ma túy, chị hỏi thì bố mẹ anh Đ nói anh Đ đã cai nghiện được rồi quay ra trách móc chị là người lừa dối anh Đ. Đến nay, chị xác định chị cũng không còn tình cảm với anh Đ vì anh Đ không thành thật, đe dọa bôi nhọ chị. Mâu thuẫn giữa chị và anh Đ đã đến đỉnh điểm không thể hòa giải được nên chị giữ nguyên quan điểm như trong đơn khởi kiện đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Đ để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: vợ chồng không có con chung, con riêng nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ nần ai nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên đã nhiều lần triệu tập bị đơn Ng X Đ lên làm việc; tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Ng X Đ đều vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Ngoài ra, Tòa án cũng đến nhà anh Đ để tiến hành lấy lời khai của anh Đ nhưng anh Đ từ chối khai báo, không tiến hành làm việc.

* Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, để làm rõ nguyên nhân mâu thuẫn của chị Đ T L A và anh Ng X Đ, Tòa án đã tiến hành xác minh, cụ thể như sau:

* Ông Ng V Ch, là bố đẻ anh Đ có trao đổi một số thông tin như: anh Đ và chị L A tìm hiểu nhau được một thời gian ngắn thì anh chị về báo cáo hai bên gia đình xin phép cho anh chị được kết hôn với nhau. Hai bên gia đình đã tổ chức lễ ăn hỏi và cho anh Đ, chị L A kết hôn vào ngày 27/9/2017 nhưng chưa tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống vì sau khi làm lễ ăn hỏi gia đình chị L A không đồng ý tổ chức đám cưới nữa, nguyên nhân là do gia đình chị L A cho rằng anh Đ mải chơi, không chịu làm ăn nhưng ông từ chối không ký, không làm việc khi Tòa án đề nghị lập biên bản.

* Bà Ng T B là mẹ đẻ của chị L A cung cấp: anh Đ và chị L A có thời gian tìm hiểu ngắn khoảng hơn 02 tháng nên sau khi anh Đ và gia đình đến ăn hỏi được 02 ngày thì chị L A và gia đình bà phát hiện anh Đ là người nghiện ma túy từ rất lâu. Vì vậy, chị L A và gia đình bà không thể nào chấp nhận được một người như vậy nên đã

đem lễ ăn hỏi trả lại anh Đ và gia đình anh Đ, không tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L A và anh Đ được ly hôn để chị L A sớm ổn định cuộc sống.

* Chính quyền địa phương khu phố B, phường M, thành phố H, tỉnh Hưng Yên cung cấp: anh Ng X Đ là người nghiện ma túy ở địa phương, anh từng đi lao động ở nước ngoài. Sau khi về địa phương được một thời gian ngắn thì gia đình tổ chức lễ ăn hỏi và đăng ký kết hôn cho anh Đ với chị L A nhưng chưa tiến hành tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống. Theo địa phương nắm bắt được nguyên nhân là do sau khi đăng ký kết hôn, gia đình chị L A phát hiện ra anh Đ nghiện ma túy nên chị L A và gia đình không đồng ý tổ chức lễ cưới nữa.

*Tại phiên tòa hôm nay: Bị đơn anh Ng X Đ vắng mặt lần thứ hai, không lý do mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ. Nguyên đơn chị Đ T L A có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ. Chị và anh Đ không có con chung, con riêng và con nuôi cũng như không có tài sản chung, không nợ nần ai nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện VKSND thành phố Hưng Yên phát biểu quan điểm: Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX đã thực hiện đúng quy định trong việc xét xử, điều hành phiên tòa theo quy định tại điều 239, 243, 247, 247.. BLTTDS; thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại các điều 51, 239 BLTTDS; Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại điều 70,71, 227 BLTTDS; Bị đơn thực hiện không đúng quy định tại các điều 70,72, 227 BLTTDS trong suốt quá trình Tòa án giải quyết, xét xử vụ án bị đơn đều vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Về đường lối giải quyết: Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14: Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L A cho chị L A được ly hôn với anh Đ. Về con chung và tài sản chung: không có nên không giải quyết. Về án phí: chị Trang phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

Về tố tụng: chị Đ T L A và anh Ng X Đ có thời gian tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 27/9/2017, tại UBND phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Như vậy, hôn nhân của chị L A và anh Đ là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi làm lễ ăn hỏi và đăng ký kết hôn chị L A phát hiện anh

Đ nghiện ma túy nhưng không thành thật với chị nên đã có đơn xin ly hôn với anh Đ. Hiện tại, anh Đ vẫn sinh sống với bố mẹ và trú tại số 28A đường B, phường M, thành phố H, tỉnh Hưng Yên nên Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên đã thụ lý, xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp ly hôn” và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX thấy: Chị L A và anh Đ có thời gian tìm hiểu nhau ngắn khoảng 02 tháng, chưa tìm hiểu kỹ càng đã vội vàng tiến đến hôn nhân. Chính vì vậy, sau khi làm lễ ăn hỏi và làm thủ tục đăng ký kết hôn khoảng 02 ngày, chị L A phát hiện ra anh Đ không nói thật cho chị biết anh Đ là người nghiện ma túy nên chị L A quyết định trả toàn bộ lễ ăn hỏi cho anh Đ và không đồng ý tiếp tục tổ chức lễ cưới, đón dâu theo phong tục truyền thống với anh Đ, sau đó đã có đơn xin ly hôn với anh Đ. Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án đã nhiều lần triệu tập anh Đ đến làm việc cũng như hòa giải để tạo điều kiện cho anh Đ và chị L A có cơ hội hiểu nhau hơn nhưng anh Đ đều không đến. Ngoài ra, anh Đ còn từ chối không tiến hành làm việc với Tòa án. Điều này, thể hiện anh Đ cũng không còn quan tâm, không coi trọng và không muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị L A. Tại phiên tòa hôm nay, anh Đ vẫn vắng mặt lần thứ 2, không có lý do, dù đã được triệu tập hợp lệ. Chị L A có đơn xin xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Đ. Chị và anh Đ chưa có con, không có tài sản, nợ nần nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Từ những phân tích nêu trên, cho thấy mâu thuẫn giữa chị L A và anh Đ đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ T L A theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: chị L A và anh Đ không có con chung, con riêng, con nuôi nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Về tài sản: chị L A trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không nợ nần ai và không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét. Sau này nếu anh Đ có yêu cầu giải quyết về vấn đề tài sản thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Về án phí: chị L A phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51, 56 Luật hôn nhân - gia đình. Điều 147 BLTTDS. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ T L A, cho chị Đ T L A được ly hôn với anh Ng X Đ.

2. Về con chung: chị L A và anh Đ không có con chung, con nuôi, con riêng nên không đề nghị HĐXX giải quyết.

3. Về tài sản: Chị Đ T L A không có yêu cầu giải quyết về vấn đề tài sản nên HĐXX không xem xét, giải quyết. Trường hợp anh Đ có yêu cầu giải quyết về tài sản thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Chị Đ T L A phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Đối chiếu với Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số HY/2010/002946 ngày 23 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên, chị L A đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận.

- VKSND thành phố Hưng Yên.
- Chi cục THADS T.P Hưng Yên.
- Phòng nghiệp vụ & THA, Tòa án tỉnh Hưng Yên.
- UBND phường Lê Lợi (ĐKKH số 6, ngày 27/9/2017).
- Các đương sự.
- Lưu HS.

T.M HĐXX SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa

Đào Thúy Hà